

**THÔNG ĐIỆP TRUYỀN THÔNG  
VỀ ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI  
TRÊN BÁO IN VÀ BÁO MẠNG**

**Cộng tác nghiên cứu giữa Viện Nghiên cứu Xã hội,  
Kinh tế và Môi trường (iSEE)  
và Khoa Xã hội học, Học viện Báo chí Tuyên truyền**





Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường (iSEE)

# **THÔNG ĐIỆP TRUYỀN THÔNG VỀ ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI TRÊN BÁO IN VÀ BÁO MẠNG**

**Cộng tác nghiên cứu giữa Viện Nghiên cứu Xã hội,  
Kinh tế và Môi trường (iSEE)  
và Khoa Xã hội học, Học viện Báo chí Tuyên truyền**

Nhà xuất bản Thế Giới

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI  
Trụ sở: 46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: 84.4.38253841 - 38262996  
Fax: 84.4.38269578  
Chi nhánh: 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, TP. HCM, Việt Nam  
Tel: 84.8.38220102  
Email: thegioi@hn.vnn.vn  
Website: www.thegioipublishers.com.vn

---

# THÔNG ĐIỆP TRUYỀN THÔNG VỀ ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI TRÊN BÁO IN VÀ BÁO MẠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

**TRẦN ĐOÀN LÂM**

*Biên tập:* .....  
*Trình bày:* Hoàng Hoài  
*Thiết kế bìa:* Trung Dũng  
*Sửa bản in:* .....

---

In 500 bản, khổ 15,7 x 23 cm, tại TT Chế bản và In - NXB Thế Giới.  
Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số: .....-2011/CXB/...../ThG,  
cấp ngày .... tháng ..... năm 2011. In xong và nộp lưu chiểu năm 2011.

# MỤC LỤC

---

<b>I. GIỚI THIỆU CHUNG</b>	7
<b>II. KHÁI QUÁT VỀ MẪU NGHIÊN CỨU</b>	7
<b>III. CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH VỀ NỘI DUNG THÔNG ĐIỆP</b>	7
<b>1. Cộng đồng người đồng tính gồm những ai?</b>	9
<b>2. Các khái niệm liên quan đến xu hướng tình dục đồng tính bị sử dụng nhầm lẫn</b>	11
<b>3. Chân dung người đồng tính hiện lên như thế nào?</b>	25
3.1. Người đồng tính có bản năng tình dục khác thường, khó chấp nhận	
3.2. Người đồng tính có đời sống tình dục nhiều hiểm họa và tình yêu không bền vững	
3.3. Nhân cách - đạo đức của người đồng tính phần nhiều không tốt	
3.4. Nhu cầu của nhóm đồng tính được đề cập thiếu khách quan - quyền không được nhắc tới	
3.5. Quan hệ gia đình và xã hội ít được quan tâm	
<b>4. Vậy cách thức đưa tin nào đã tạo ra hình ảnh sai lệch về người đồng tính?</b>	37
4.1. Sử dụng ngôn ngữ làm tăng định kiến với nhóm đồng tính	
4.2. Cố gắng giải thích nguyên nhân đồng tính	
4.3. Khắc họa chân dung người đồng tính dựa trên khuôn mẫu giới	
<b>5. Mức độ kỳ thị trong các bài viết khá cao</b>	52

<b>IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	57
<b>1. Bồi đắp kiến thức về xu hướng tình dục</b>	52
<b>2. Cần trọng trong sử dụng ngôn ngữ</b>	52
<b>3. Tiếp cận vấn đề với ý thức tôn trọng sự đa dạng         và khác biệt</b>	52
<b>4. Đề cao sứ mạng biện hộ dựa trên cái nhìn thấu hiểu</b>	52

## I. GIỚI THIỆU CHUNG

Người đồng tính và tình dục đồng giới là một vấn đề nhạy cảm trong xã hội Việt Nam. Mặc dù đây không còn là chủ đề mới mẻ, song thái độ của cộng đồng với người đồng tính và những gì liên quan đến họ phần nhiều vẫn là xa lạ và kỳ thị, khiến người đồng tính phải đối mặt với nhiều bất lợi trong cuộc sống.

Một trong những nguyên do của nhận thức và thái độ xã hội về vấn đề này có thể nằm ở thông điệp truyền thông, bởi hầu như mọi cá nhân trong xã hội đều tiếp nhận thông tin qua các phương tiện truyền thông và chịu ảnh hưởng của các thông điệp truyền thông đến việc hình thành thế giới quan. Những thông điệp mang định kiến hoặc thiếu tính khoa học về người đồng tính có thể tạo ra hay củng cố những nhận thức sai lệch và thái độ kỳ thị. Ngược lại, những thông điệp khách quan, khoa học sẽ giúp cộng đồng hình thành nhận thức đúng và hành vi chuẩn mực đối với nhóm xã hội này.

Vì vậy, nghiên cứu này đi sâu phân tích nội dung của các tác phẩm báo in và báo mạng nhằm tìm ra tính chất của những thông điệp về đồng tính mà báo chí gửi tới xã hội. Nghiên cứu hướng tới ba mục tiêu: (1) đánh giá về cách một số báo in và báo mạng đưa tin và bình luận về người đồng tính, (2) phân tích sự thay đổi theo thời gian trong cách báo chí viết về nhóm xã hội này, và (3) xem xét khả năng thông điệp báo chí có thể gây ra kỳ thị hoặc chống kỳ thị đối với họ.

Nghiên cứu tập hợp 502 bài báo về người đồng tính và các vấn đề liên quan đến đồng tính đăng trên 4 báo in gồm Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Tiền Phong, Công An Nhân Dân, và 6 báo mạng gồm <http://vnexpress.net>; <http://vietnamnet.vn>; [www.dantri.com.vn](http://www.dantri.com.vn); <http://ngoisao.net>; [www.cand.com.vn](http://www.cand.com.vn); <http://giadinh.net.vn>. Các bài báo trong nghiên cứu được đăng tải vào năm 2004, 2006 và 2 quý đầu năm 2008. Với báo in, tất cả các bài báo có liên quan, đề cập tới người đồng tính, vấn đề đồng tính trong khoảng thời gian lấy mẫu đều được lựa chọn. Với báo mạng, nghiên cứu sử dụng các từ khóa trên từng trang web để tìm kiếm những bài báo về người đồng tính. Nghiên cứu sử dụng phương

pháp phân tích tài liệu (phân tích nội dung) cả định lượng và định tính, trong đó kết quả phân tích định lượng được giải thích và minh họa bởi dữ liệu định tính.

## II. KHÁI QUÁT VỀ MẪU NGHIÊN CỨU

Khi xem xét thời điểm và số lượng các bài báo viết về chủ đề đồng tính, nghiên cứu cho thấy chiều hướng các bài báo được đăng tải tăng dần theo năm. Tuy tần suất bài viết được đăng tải trên báo in thấp hơn tần suất đăng tải trên báo mạng, nhưng chủ đề đồng tính đã dần trở thành chủ đề được quan tâm đưa tin nhiều hơn.

Nguồn thông tin, xuất xứ bài viết cũng gợi ý rằng nhà truyền thông ngày càng quan tâm đến các vấn đề liên quan đến đồng tính với thái độ nghiêm túc hơn. Tính chung, chỉ có 38% bài viết trong mẫu nghiên cứu là do cá nhân hoặc nhà báo viết; 31% bài viết được trích, dịch từ nguồn nước ngoài; 20% bài viết được trích từ các nguồn khác nhau trong nước và tới 11% bài viết không xác định được là do cá nhân, nhà báo viết hay được trích từ nguồn nào. Tuy vậy số các bài viết do cá nhân tự viết đã tăng mạnh từ 17% năm 2004 lên 45% năm 2008, trong khi số bài viết đăng tải trên báo mạng không xác định được nguồn cũng giảm đáng kể từ 14% năm 2004 xuống 7% năm 2008.

Khi xét xem chủ đề đồng tính là chủ đề chính hay phụ trong bài viết, chỉ có chưa đầy một phần ba (29%) các bài viết khai thác vấn đề đồng tính như là chủ đề chính. Tuy nhiên, số lượng bài báo chuyên sâu về đồng tính đã tăng dần theo thời gian, từ 9 bài đăng trong quý 1-2 năm 2004 lên 43 bài đăng trong quý 1-2 năm 2008.

Chiếm 71% còn lại là các bài viết khai thác các chủ đề chính khác như đòi tư ngôi sao, ra đời phim/sản phẩm mới, tội phạm - vụ án, sức khỏe tình dục, lối sống ...v.v... Khi bài viết khai thác các chủ đề chính này thì đồng tính trở thành chủ đề phụ và trong nhiều trường hợp dường như chỉ đóng vai trò một chi tiết "hot", "mốt", thậm chí là chi tiết giật gân, câu khách. Như vậy, một mặt số lượng bài viết về nhóm đồng tính có tăng lên theo thời gian, nhưng mặt khác phần lớn các bài viết lại sử dụng đồng tính như một chi tiết gây sự chú ý của người đọc theo hướng bất lợi cho người đồng tính.



Về bối cảnh bài viết, bối cảnh nước ngoài có tỷ lệ cao hơn Việt Nam (54% so với 43%), do tỷ lệ lớn các bài là trích nguồn nước ngoài hoặc viết về nhân vật nước ngoài, có thể do nhà truyền thông cảm thấy an toàn hơn khi viết về chủ đề được xem là nhạy cảm này nếu đặt bài viết trong bối cảnh nước ngoài. Còn nếu bối cảnh là ở Việt Nam và có thể xác định rõ là đô thị hay nông thôn, thì tỷ lệ bài viết về đô thị nhiều hơn hẳn nông thôn (33% so với 1%).

### III. CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH VỀ NỘI DUNG THÔNG ĐIỆP

#### 1. Cộng đồng người đồng tính gồm những ai?

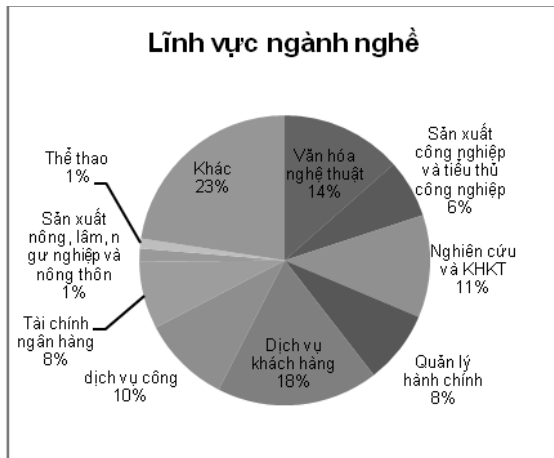
Nghiên cứu cho thấy có một số nhóm được báo chí đề cập nhiều hơn những nhóm khác trong cộng đồng người đồng tính, đó là nhóm người đồng tính ở đô thị, nhóm tuổi thanh niên, nhóm đồng tính nam (so với đồng tính nữ), và nhóm ngành nghề liên quan đến nghệ thuật.

Chiếm 79% những bài báo đề cập đến địa bàn sinh sống của người đồng tính là những bài kể chuyện người đồng tính ở thành thị, trong khi chỉ có 4% số bài nói về người đồng tính ở nông thôn. Điều này có thể khiến người đọc suy luận thiếu căn cứ rằng tỷ lệ người đồng tính ở đô thị cao hơn ở nông thôn. Trên thực tế, những người nam quan hệ tình dục đồng giới “có tồn tại ở vùng nông thôn của Việt Nam và tương đối dễ tiếp cận”, nhưng vấn đề là hầu hết họ giấu kín khuynh hướng tình dục và hành vi tình dục của mình<sup>1</sup> chứ không lộ diện như nhiều người đồng tính ở đô thị.

Cụm từ *come out* thường được hiểu sang tiếng Việt là *lộ diện*. Cụm từ này được dùng để chỉ quá trình người đồng tính luyện ái và lưỡng tính luyện ái tự ý thức về sự hấp dẫn cùng giới (*come out* với bản thân), nói với một hoặc một số người về điều đó (*come out* với người khác), công khai rộng rãi về điều đó, và gắn mình với cộng đồng người đồng tính luyện ái và lưỡng tính luyện ái.

Nhiều người ngần ngại không muốn *come out* vì không muốn phải đương đầu với định kiến và phân biệt đối xử. Có những người quyết định giấu kín xu hướng tình dục của mình; có những người quyết định *come out* chỉ trong một vài hoàn cảnh hạn chế; có những người quyết định *come out* một cách rất công khai.

<sup>1</sup> Trương Tấn Minh, Tôn Thất Toàn & Donn Colby (2009): “Hành vi tình dục đồng giới và nguy cơ lây nhiễm HIV tại khu vực nông thôn Khánh Hòa, Việt Nam”, NXB Thế Giới, trang 21.



Nghiên cứu của iSEE về đặc điểm KT-XH của nam giới có QHTD đồng giới ở Việt Nam

Về nhóm tuổi, 80% số bài báo có đề cập đến tuổi viết về người đồng tính ở tuổi thanh niên, có phần do đây là nhóm tuổi có tần suất quan hệ tình dục cao nhất trong vòng đời, và cũng có thể do nhóm đồng tính ở độ tuổi thanh niên dám sống là mình nhiều hơn các thế hệ trước. Tuy vậy với tần suất người đồng tính ở tuổi thanh niên xuất hiện

nhiều hơn hẳn so với các nhóm khác, sẽ khó tránh khỏi những lý giải không thoả đáng nghiêng về lối sống và văn hoá của giới trẻ hơn là xem xét bản chất vấn đề.

Khoảng ba phần tư số bài viết đề cập đến xu hướng tình dục mô tả người đồng tính nam và khoảng 27% đề cập đến đồng tính nữ. Nguyên do có thể nằm ở vấn đề giới, khi trong xã hội nam giới thường xuất hiện và được chú ý nhiều hơn nữ giới, và cũng có thể do trên thực tế nhóm đồng tính nam lộ diện nhiều hơn trong khi nhóm đồng tính nữ thường kín đáo hơn.

Người đồng tính xuất hiện trên mặt báo với đủ các ngành nghề, nhưng có tỷ lệ vượt trội là nhóm ngành nghề liên quan đến nghệ thuật (30%). Tuy nhiên theo số liệu thu thập được từ một nghiên cứu trực tuyến của Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE)<sup>1</sup> thì tỷ lệ người đồng tính làm việc trong nhóm này chỉ đứng thứ hai, chiếm 13.5%, sau nhóm làm trong lĩnh vực dịch vụ khách hàng (18%) và chỉ nhỉnh hơn nhóm nghiên cứu và khoa học kỹ thuật đôi chút (11.4%).

Sự xuất hiện thường xuyên trên mặt báo của nhóm ngành liên quan đến nghệ thuật có thể do sức hấp dẫn của ngôi sao và người nổi tiếng,

<sup>1</sup> Nghiên cứu trực tuyến “Đặc điểm kinh tế xã hội của nam giới có quan hệ tình dục đồng giới ở Việt Nam” thực hiện bởi Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường tháng 2/2009.

hoặc do đặc trưng nghề nghiệp mà những người làm việc trong lĩnh vực này có điều kiện *come out* nhiều hơn, nhưng chính vì vậy nó có thể gây ấn tượng sai lầm trong công chúng rằng người đồng tính tập trung trong giới hoạt động nghệ thuật.

## 2. Các khái niệm liên quan đến xu hướng tình dục đồng tính bị sử dụng nhầm lẫn

Khi đề cập đến việc cá nhân nào đó là người đồng tính có nghĩa là đang đề cập đến xu hướng tình dục và bản dạng tình dục của họ. Xu hướng tình dục và bản dạng tình dục không phải lúc nào cũng được thể hiện qua hành vi tình dục. Ví dụ một người có xu hướng tình dục đồng tính dưới áp lực của gia đình và xã hội vẫn có thể kết hôn với người khác giới và sinh con. Trong khi đó những người có xu hướng tình dục dị tính sống trong một môi trường biệt lập, thiếu vắng người khác giới trong một thời gian dài (ví dụ như quân đội, nhà tù hoặc lâm trường) có thể có quan hệ tình dục với nhau, nhưng khi ra khỏi môi trường đó lại tìm đến người khác giới.

Tuy nhiên, tình trạng phổ biến là các bài báo đánh đồng hành vi tình dục đồng giới với xu hướng tình dục và bản dạng tình dục đồng tính, đơn giản quan niệm rằng có hành vi tình dục đồng giới cũng chính là đồng tính. Những phát ngôn như “...vài năm gần đây, hiện tượng quan hệ đồng tính ở Việt Nam ngày càng phổ biến”<sup>1</sup> có thể gặp ở không ít bài báo. Có tác giả đồng nhất đồng tính nam với MSM (“men who have sex with men” - nam có quan hệ tình dục với nam) và nghiêm nhiên sử dụng “MSM” mỗi khi muốn đề cập đến những người đồng

**Xu hướng tình dục** (*sexual orientation*) là sự hấp dẫn có tính bền vững của một người về phía những người khác giới, cùng giới hoặc cả hai giới. Người chịu sự hấp dẫn của người khác giới gọi là người dị tính luyến ái; người chịu sự hấp dẫn của người cùng giới gọi là người đồng tính luyến ái; người chịu sự hấp dẫn bởi cả hai giới gọi là người lưỡng tính luyến ái. Tuy nhiên, nghiên cứu trong vài thập niên vừa qua đã chỉ ra rằng xu hướng tình dục là đa dạng, trái từ thái cực hoàn toàn chỉ bị hấp dẫn bởi người khác giới đến thái cực hoàn toàn chỉ bị hấp dẫn bởi người cùng giới.

**Bản dạng tình dục** (*sexual identity*) là sự tự nhận của một người về xu hướng tình dục của mình hướng đến người cùng giới, người khác giới hay cả hai giới.

**Hành vi tình dục** là những hành động như âu yếm, vuốt ve, hôn, giao hợp, v.v... nhằm thể hiện và thỏa mãn tình dục.

1 TH203.Tội phạm đồng tính trong giới trẻ. <http://ngoisao.net/> tải ngày 24/7/08

tính nam<sup>1</sup>. Một vị bác sỹ có uy tín, tên tuổi và chức sắc của Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ y học thuộc Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam được trích lời trong một bài báo cũng giải nghĩa “... đồng tính ái còn gọi là tình dục đồng giới...”<sup>2</sup>.

Bên cạnh đó, có tình trạng một số tác giả quy khái niệm chuyển giới về khái niệm đồng tính, coi người chuyển giới cũng chính là người đồng tính. Đây chính là một nguyên nhân dẫn đến sai lầm và rập khuôn trong việc mô tả chân dung người đồng tính như sẽ nói ở phần sau (phần 4.3).

Các bài báo sử dụng nhầm lẫn hay đồng nhất các khái niệm liên quan đến đồng tính như vậy sẽ cung cấp kiến thức sai cho xã hội, gây hiểu lầm về nhóm này. Điều này cho thấy những kiến thức về xu hướng tình dục còn là lỗ hổng lớn cần lấp đầy ngay cả với các nhà truyền thông<sup>3</sup>.

### **3. Chân dung người đồng tính hiện lên như thế nào?**

#### **3.1. Người đồng tính có bản năng tình dục khác thường, khó chấp nhận**

Trong số 312 bài viết đề cập tới vấn đề tâm lý – xã hội của nhóm đồng tính thì 23% có đề cập tới bản năng tình dục của họ. Trong số này thì vấn đề được đề cập ở nhiều mặt, từ việc người đồng tính phải kiểm chế bản năng tình dục của mình, cho tới việc không kiểm chế được bản năng tình dục hoặc thỏa mãn tình dục bằng mọi giá; quan hệ tình dục với trẻ em; bạo dâm... Tuy nhiên, việc người đồng tính không kiểm chế được bản năng tình dục được đề cập nhiều nhất: “...*Vẫn biết quan hệ tình dục đồng tính là không an toàn nhưng Minh không thể nào kiểm chế được bản thân. Minh đã nhiều lần tự nhủ sẽ thoát khỏi những cuộc tình trắng hoa nhưng rồi bản năng đã không thắng được ý chí...*”<sup>4</sup>.

Quan hệ tình dục đồng giới còn được mô tả như là có ma lực, khi đã dính vào thì sẽ không thể dứt ra được, và những người có quan hệ tình dục đồng giới sẽ trượt dài trong các mối tình phiêu lưu với kết cục

1 TH285. TP HCM: Giới đồng tính nam cần được hỗ trợ dịch vụ y tế. [www.cand.com.vn](http://www.cand.com.vn) tải ngày 24/7/2008

2 TH159. Những bóng cô thầm kín. <http://ngoisao.net/> tải ngày 25/7/08

3 Để hỗ trợ nhà báo tiếp cận với thông tin chuẩn, Viện Nghiên cứu xã hội, Kinh tế và Môi trường (ISEE) đã tổ chức một số khóa tập huấn/trao đổi về xu hướng tình dục và các khái niệm liên quan. Tài liệu của khóa học có thể tiếp cận tại trang web của ISEE [www.isee.org.vn](http://www.isee.org.vn).

4 TH230. Tình ảo trong thế giới thứ 3. <http://dantri.com.vn/> tải xuống ngày 22/7/08

không có tương lai: “... Ai qua tay tớ rồi thì đừng hòng thoát khỏi. Khi đó thì chồng con cũng cóc cần, một “ômôi” là nghệ sĩ nổi tiếng đã phát biểu như thế với bạn bè. Cô ta nói cũng chẳng sai...”<sup>1</sup>. Những phát ngôn tương tự gặp nhiều trên báo chí sẽ tạo ra định kiến về nhóm đồng tính là nhóm có nhu cầu tình dục lớn và không kiểm chế được bản năng tình dục của mình.

Trong khi nhu cầu tình dục và việc thỏa mãn nhu cầu tình dục của nhóm dị tính được xem là bình thường, đương nhiên, thì nhu cầu tình dục và hành vi tình dục của người đồng tính bị xem như một hiện tượng bất thường, khó chấp nhận, thậm chí đáng ghê tởm. Có nhà chuyên môn trả lời bạn đọc: “...đồng tính luyến ái ... sinh hoạt với nhau như vợ chồng, tất nhiên là bằng phương pháp phi tự nhiên... ở mức độ nặng quan hệ xác thịt với nhau như vợ chồng được gọi là loạn dục cùng giới...”<sup>2</sup>. Có tác giả thể hiện thái độ qua lời kể của nhân vật về tình dục trong nhóm đồng tính, rằng nhân vật khi biết mình đã quan hệ tình dục với người cùng giới thì “nôn thối nôn tháo”. Một nhà báo khác sau khi đóng vai người mua dâm tiếp xúc với một người bán dâm đồng tính thì “bụng đói meo nhưng nghĩ đến ăn uống lại thấy gờn gợn”<sup>3</sup>. Chiếm 26% số bài báo trong nghiên cứu, các bài thể hiện quan niệm về hành vi tình dục đồng giới hầu hết tỏ thái độ không chấp nhận hành vi này.

Như vậy, bên cạnh việc nhấn mạnh quá mức nhu cầu tình dục của người đồng tính, các nhà truyền thông thiên về quan niệm hành vi tình dục đồng giới và cả xu hướng tình dục đồng tính là đáng lên án, đáng ghê tởm, không an toàn, là lối sống trụy lạc. Từ đó nhiều bài báo đã thể hiện thái độ không chấp nhận hành vi tình dục đồng giới và rộng hơn là không chấp nhận xu hướng tình dục đồng tính, mà không xem đó là vấn đề quyền con người như đáng được tôn trọng và bảo vệ.

### **3.2. Người đồng tính có đời sống tình dục nhiều hiểm họa và tình yêu không bền vững**

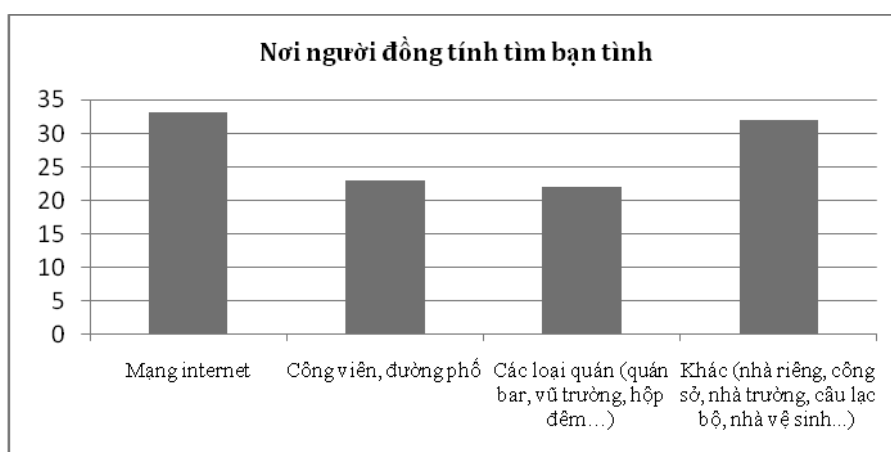
Nghiên cứu còn cho thấy cái nhìn thiên lệch của nhà truyền thông về đời sống tình cảm và tình dục của người đồng tính, nổi bật qua hai khía cạnh là tìm kiếm bạn tình và duy trì quan hệ lứa đôi.

1 TH83. Những nàng “les” giả. <http://www.vnexpress.net/> tải ngày 22/7/08

2 TH38. Đồng tính luyến ái. Báo Tiền phong. Ngày 1/10/2006

3 TH32. Đêm không ngủ với những nàng pêđê. Tiền Phong. 13/6/2006

Trước hết, người đồng tính khó tìm được địa điểm an toàn để gặp gỡ nhau. Theo 69 bài báo trong nghiên cứu có đề cập đến vấn đề này, ngoài giao tiếp qua mạng internet và tới một số ít câu lạc bộ dành riêng cho người đồng tính, họ chủ yếu tìm gặp nhau ở quán bar, cà phê, vũ trường, hộp đêm, mát xa, công viên, đứng đường ... Đây là một trong những chi tiết bổ sung thêm cho định kiến về nhóm đồng tính là nhóm ăn chơi, buông thả, nhân cách không tốt.



Khi báo chí mô tả người đồng tính tìm bạn tình trên mạng, công chúng được thấy một khung cảnh từ già đến trẻ đều sử dụng phương tiện này để tìm tình và thoả mãn tình dục bằng nhiều cách, mặc dù – theo các tác giả - tình tìm thấy trên mạng chỉ là tình ảo, đầy nguy cơ bị lừa đảo, và sau những mối tình nguy hiểm ấy sẽ là tương lai tăm tối của người đồng tính. Có tác giả viết “*nghiện net, chat sex và tình dục không an toàn luôn kéo theo đó là những hậu quả đáng tiếc. Nguy cơ nhiễm HIV/AIDS ở người đồng tính luôn rất cao*” và kêu gọi người đồng tính biết sống bản lĩnh và bảo vệ mình trong thế giới ảo<sup>1</sup>. Tuy nhiên bản lĩnh thế nào và bảo vệ mình như thế nào thì tác giả không đề cập.

Công chúng cũng có thể thấy nhiều cách tìm bạn tình khác của người đồng tính, nhưng dường như tất cả đều khác thường và nguy hiểm. Họ có thể tìm những cuộc tình chóng vánh nơi quán xá, mua dâm và bán dâm trên đường phố, trong công viên, hoặc tìm bạn tình trong nhà vệ sinh ... nhưng hệ quả thường là bị cướp, bị bạn tình trộm tài sản,

1 TH230. Tình ảo trong thế giới thứ ba. <http://dantri.com.vn> tải ngày 22/7/08

thậm chí bị sát hại. Tựu trung, nghiên cứu cho thấy các tác giả tập trung vào những điều được cho là ít ai biết về vấn đề này với nhiều định kiến, thậm chí tới mức kỳ thị.

Cái nhìn thiên lệch không chỉ dừng lại ở việc mô tả cách tìm bạn tình của người đồng tính, nó còn được thể hiện thông qua khả năng duy trì mối quan hệ với bạn tình. Trong 38 bài viết đề cập đến điều này, gần như không có bài nào nói đến một tình yêu đích thực, lâu bền trong nhóm người đồng tính. Hầu hết chỉ thấy những cuộc tình chóng vánh, chủ yếu để thoả mãn nhu cầu tình dục, còn sự gắn bó nếu có thì phải đánh đổi bằng tiền. Nhiều bài thể hiện nhóm đồng tính như là những người có nhiều bạn tình một lúc và thay đổi liên tục, có bài mô tả số lượng bạn tình của người đồng tính lên tới hàng nghìn<sup>1</sup>.

Nhìn chung, nghiên cứu cho thấy bản năng và nhu cầu tình dục là khía cạnh được báo chí quan tâm hơn hẳn so với các khía cạnh khác trong đời sống của người đồng tính. Về khía cạnh này thì thông điệp mà người đọc nhận được là người đồng tính dường như không có gì khác ngoài tình dục - họ có nhiều bạn tình với đời sống tình dục nhiều hiểm hoạ, còn tình yêu lâu dài thì không tồn tại. Những thông điệp như vậy đã góp phần tạo ra và củng cố hình ảnh tiêu cực của người đồng tính trong mắt công chúng.

*Đã là tình yêu, dù là của người đồng tính hay dị tính, thì đều có những thăng trầm. Nhưng tình yêu của người đồng tính thường không được xã hội và gia đình thừa nhận và ủng hộ, khi gặp khó khăn không ai chia sẻ cảm thông. Chính vì vậy việc duy trì tình yêu bền vững đối với người đồng tính là khó khăn hơn đối với những người dị tính. Nhưng điều này không phải không thể thay đổi nếu xã hội bớt đi cái nhìn định kiến, thừa nhận và bảo vệ quyền của người đồng tính cũng như quyền của mọi người trong xã hội”, chị Nguyễn Thị Thu Nam nghiên cứu viên cao cấp của Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường chia sẻ.*

Theo tài liệu của Hội tâm lý học Hoa Kỳ, bản chất của quan hệ cùng giới không như những gì xã hội thường định kiến. Trong khi nhiều người cho rằng các mối quan hệ của người ĐTLA thường lúng túng, bất hạnh và không bền vững, số liệu điều tra và các nghiên cứu cho thấy các cặp cùng giới và các cặp khác giới tương đương như nhau trên các thước đo về sự thỏa mãn và sự cam kết, và nhiều người ĐTLA thực sự có quan hệ đôi lứa dài lâu. Điều tra dân số Hoa Kỳ năm 2000 cho thấy trong 5,5 triệu cặp chung sống mà không kết hôn, khoảng 1/9 (594.391) cặp là đồng giới. Trong số này, 18-28% cặp nam đồng giới và 8-21% cặp nữ đồng giới đã sống với nhau 10 năm trở lên

1 TH629. Tư vấn trực tiếp giúp giảm sự lây lan của AIDS. <http://vnexpress.net/> Tài ngày 24/7/2008

### 3.3. Nhân cách - đạo đức của người đồng tính phần nhiều không tốt

Trong số 502 bài báo được thu thập để nghiên cứu có 88 bài (chiếm 19%) đề cập trực tiếp đến nhân cách hoặc đạo đức của người đồng tính. Gần một nửa trong số đó nhìn nhận người đồng tính là những người có nhân cách tốt, dù thuộc đủ loại ngành nhưng “...họ có một điểm chung chính là tấm lòng nhân ái, dễ rung động trước nỗi khó khăn cơ cực của người khác”<sup>1</sup>. Có tác giả dẫn lời nhà chuyên môn, người làm công tác xã hội mô tả nhóm đồng tính cũng như dị tính: “... về mặt trí tuệ, nhân cách, khả năng cống hiến cho xã hội, hoàn toàn không có sự phân biệt giữa người đồng tính luyến ái và dị tính luyến ái”<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, phần lớn hơn trong số các bài báo này đề cập đến nhân cách của người đồng tính là không tốt. Đây thường là các bài liên quan đến tội phạm, tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, “buôn thần bán thánh”, trong đó thủ phạm hoặc chủ thể của tệ nạn là người đồng tính, hoặc nạn nhân chịu sự không may là do hành vi của họ có liên quan đến xu hướng tình dục đồng tính.



Ngoài ra có 125 bài viết, chiếm khoảng 25% tổng số bài, có gián tiếp đề cập đến nhân cách đạo đức của người đồng tính thông qua những vấn đề liên quan. Trong số này chỉ khoảng 26% khắc họa nhân cách người đồng tính một cách bình thường giống như người dị tính, nhưng có tới 29% đặt ra vấn đề tội phạm dưới nhiều hình thức từ trộm cắp vặt đến cướp của

giết người, buôn bán hàng cấm, 24% mô tả người đồng tính là nhóm có hành vi xã hội lệch chuẩn, 16% mô tả nhóm đồng tính có lối sống buông thả, có hành vi đồi bại hay hư hỏng.

Việc báo chí thiên về khắc họa chân dung người đồng tính với nhân cách hay đạo đức không tốt, gắn với tệ nạn xã hội và những hành vi lệch

1 TH114. Giới tính thứ 3 đi làm từ thiện. <http://www.vnexpress.net/> tải ngày 22/7/08

2 TH649. Ngôi nhà của người đồng tính. <http://vnexpress.net> tải ngày 24/7/2008



chuẩn được xem là yếu tố gây nên định kiến của công chúng với nhóm thiểu số này.

#### **3.4. Nhu cầu của nhóm đồng tính được đề cập thiếu khách quan - quyền không được nhắc tới**

Nhu cầu của người đồng tính là một mảng nội dung lớn được khoảng một nửa số bài báo trong nghiên cứu đề cập. Đáng mừng là trên một nửa các bài (59%) có cách đánh giá tương đối khách quan, xem nhu cầu của người đồng tính cũng chính đáng như nhu cầu của người dị tính. Họ cũng có nhu cầu yêu và được yêu, nhu cầu được làm việc, nhu cầu kết hôn và có con, nhu cầu khẳng định bản thân và được người khác tôn trọng... Đôi khi những nhu cầu này cũng được đề cập một cách dung dị, dễ chấp nhận, có thể tạo sự đồng cảm trong công chúng.

Tuy vậy vẫn tồn tại sự khắc họa thiếu khách quan về nhu cầu của người đồng tính. Nhu cầu được đề cập nhiều nhất có thể dự đoán được, đó chính là nhu cầu tình dục. Hệ quả của việc nhấn mạnh nhu cầu tình dục đã được bàn luận ở phần trên.

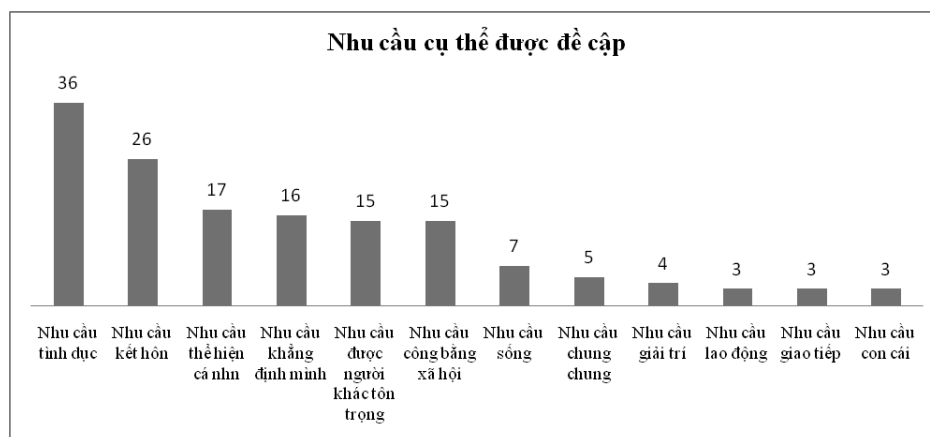
Trong khi đó nhu cầu con cái của người đồng tính lại rất ít được nhắc đến, chỉ có 25 trên tổng số 502 bài, đi ngược lại số liệu của một khảo sát gần đây của Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường cho thấy mong muốn có con chính là nguyên nhân hàng đầu khiến người đồng tính phải kết hôn với người khác giới hoặc phải suy nghĩ đến chuyện kết hôn với người khác giới<sup>1</sup>. Nếu có nhắc đến nhu cầu con cái, thì hầu hết tác giả không nhìn nhận vấn đề dưới góc độ quyền của người đồng tính, mà thường coi đây là lời cảnh báo về kết cục bi lụy của những cuộc tình: "...Hầu hết tất cả người đồng tính luyến ái mà tôi biết, đàn ông hoặc đàn bà đều bất hạnh: Không phải bởi xã hội họ sống trong đó, mà bởi đồng tính luyến ái là một ham muốn eo hẹp, một khoái lạc bị giới hạn, một sự bất chước không sinh sản..."<sup>2</sup> và bởi họ "cảm nhận sâu sắc về một kết cục chói sáng không có hậu thế"<sup>3</sup>. Bằng việc quy trách nhiệm cho chính người đồng tính về những vấn đề của mình và phủ nhận vai trò

1 Nghiên cứu trực tuyến "Đặc điểm kinh tế xã hội của nam giới có quan hệ tình dục đồng giới ở Việt Nam" thực hiện bởi Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường tháng 2/2009.

2 TH456.Thân phận bị giới đầy.<http://old.netmode.com.vn/namgioi/canhdanong/2006> tải ngày 24/7/2008

3 TH 456.Thân phận bị giới đầy. <http://old.netmode.com.vn/> tải ngày 24/7/2008

của xã hội, nhận định trên đã thể hiện rõ thái độ định kiến thậm chí đến mức kỳ thị của tác giả.



Quyền của người đồng tính nếu được đề cập thì thường là trong bối cảnh nước ngoài, hoặc được trích, dịch từ nguồn nước ngoài. Điều này cho thấy bên cạnh việc nhu cầu được phản ánh thiếu khách quan thì vấn đề quyền của người đồng tính cũng chưa nhận được sự quan tâm của các nhà truyền thông.

### **3.5. Quan hệ gia đình và xã hội ít được quan tâm**

Có rất ít bài viết đề cập tới vấn đề quan hệ gia đình và quan hệ xã hội của người đồng tính. Trong số 502 bài báo đưa vào nghiên cứu, chỉ có 39 bài đề cập tới thái độ của gia đình khi biết con mình là người đồng tính, 31 bài có đề cập tới mong muốn của gia đình đối với người con đồng tính và 19 bài đề cập đến quan hệ giữa người đồng tính với bạn đời (khác giới) và con cái của họ. Số bài đề cập đến việc gia đình không chấp nhận, mong muốn con thay đổi và số bài mô tả việc gia đình chấp nhận cuộc sống thực của con là gần như tương đương. Còn các bài đề cập đến quan hệ trong gia đình riêng của người đồng tính thì thường mô tả kết cục không hạnh phúc.

Về quan hệ xã hội, chỉ có quan hệ với đồng nghiệp là được nhắc tới trong một số ít bài, thường là về thái độ của đồng nghiệp với người đồng tính và cách người đồng tính ứng phó với đồng nghiệp. Khía cạnh trách nhiệm với công việc hay hiệu quả công việc không hề được nhắc tới. Tuy

nhiên, số lượng các bài đề cập đến quan hệ đồng nghiệp là quá ít, không đủ ý nghĩa để có thể phân tích và đưa ra kết luận.

#### **4. Vậy cách thức đưa tin nào đã tạo ra hình ảnh sai lệch về người đồng tính?**

##### *4.1. Sử dụng ngôn ngữ làm tăng định kiến với nhóm đồng tính*

Kết quả phân tích của công trình nghiên cứu cho thấy, ngôn ngữ được sử dụng để mô tả hay gọi tên người đồng tính trong phần lớn các bài viết về đồng tính hoặc có liên quan đến đồng tính hiện nay là một trong những yếu tố làm tăng thêm định kiến đối với họ.

Về ngôn ngữ gọi tên, người đồng tính được gọi bằng nhiều tên rất phong phú và đa dạng. Trong đó, “đồng tính” là từ được sử dụng nhiều nhất, tiếp đến là nhóm từ “gay” hay “đồng tính nam”. Những tên gọi này có thể được xem là không kỳ thị.

Một số từ được sử dụng với tần suất nhiều hơn các từ khác là Pêđê, bóng/bóng lộ/bóng kín; thể giới thứ 3/giới tính thứ 3; chuyển giới; Lesbian/đồng tính nữ. Còn lại là những từ được sử dụng ít như đồng tính luyến ái, trai xịn, xăng pha nhớt, hai thì, hifi, đa hệ, đồng cô, lưỡng tính, tám vía, mámi, đồng cô bóng cậu, bóng, ômôi, S “lét” (gọi chệch từ lesbian), thể giới không đầy đủ, nhót già, nhót trẻ, bướm, trai gọi đồng tính, fem (female), SB (soft – bucht), B (bucht)... Phần lớn các từ này trong nhiều bối cảnh khác nhau được xem là có kỳ thị với nhóm đồng tính, nhưng trên thực tế vẫn được một số tác giả sử dụng trong tác phẩm truyền thông của mình.

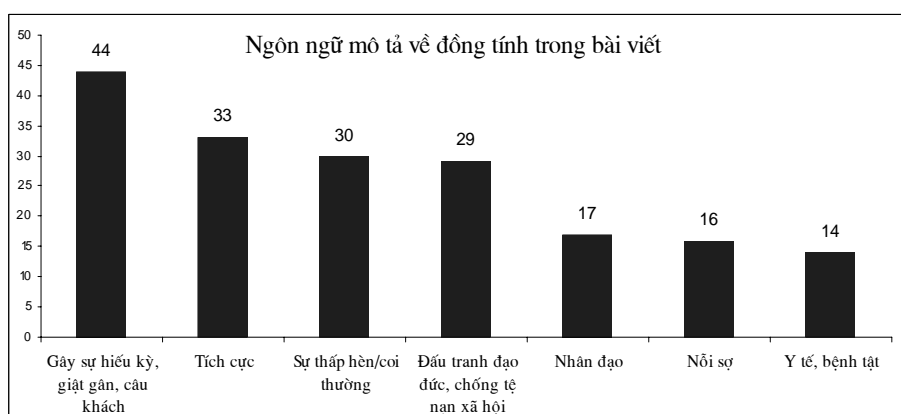
<i>Ngôn ngữ gọi tên</i>	
<i>Không kỳ thị</i>	<i>Có kỳ thị</i>
đồng tính, đồng tính luyến ái đồng tính nam, gay đồng tính nữ, lesbian, fem (female), SB (soft – bucht), B (bucht)...	pêđê, đồng cô bóng cậu, bóng, bóng lộ, bóng kín, thể giới thứ 3, giới tính thứ 3, thể giới không đầy đủ, xăng pha nhớt, hai thì, hifi, đa hệ, đồng cô, lưỡng tính, tám vía, mámi, bóng, ômôi, S “lét”, nhót già, nhót trẻ, bướm, trai gọi đồng tính...

Về ngôn ngữ mô tả người đồng tính, nghiên cứu phân loại thành 7 nhóm: nhóm ngôn ngữ tích cực, nhóm gây sự hiểu kỳ, giật gân, câu khách, nhóm ngôn ngữ chỉ sự thấp hèn/coi thường, nhóm ngôn ngữ đấu

tranh đạo đức/chống tệ nạn xã hội, nhóm ngôn ngữ nhân đạo, nhóm ngôn ngữ y tế - bệnh tật và nhóm ngôn ngữ về nỗi sợ.

Tính chung, nhóm ngôn ngữ tích cực chỉ xuất hiện ở một phần ba trong tổng số các bài được đưa vào nghiên cứu. Những bài viết sử dụng ngôn ngữ tích cực thường thể hiện những nhận xét khách quan, nhìn nhận cả mặt tích cực và tiêu cực xét về góc độ con người và chuẩn mực xã hội. Một tác giả dẫn lời một diễn viên điện ảnh khẳng định “...đạo đức không có giới tính. Xấu hay tốt chỉ do con người chúng ta...”<sup>1</sup>. Có tác giả tỏ khá rõ thái độ không đồng tình với định kiến của xã hội và thậm chí của cơ quan chức năng đối với người đồng tính: “Còn phải kêu gọi tôn trọng dị biệt, tôn trọng cái “khác mình”, có nghĩa đời sống đang rất thiếu sự tôn trọng, bình đẳng ấy. Cũng như khi phải kêu gọi nói thẳng nói thật, đồng nghĩa đời sống này còn hơi bị hiếm sự thẳng và thật”<sup>2</sup>. Cách sử dụng ngôn ngữ như vậy giúp công chúng có cái nhìn khách quan về người đồng tính, không phải sự thương hại, thương cảm, không phải đấu tranh đạo đức... mà coi người đồng tính cũng như vấn đề liên quan đến người đồng tính là vấn đề bình thường trong xã hội, giống như người dị tính và vấn đề của người dị tính.

Mặc dù vậy, số lượng bài báo sử dụng ngôn ngữ tích cực vẫn ít hơn số bài báo sử dụng ngôn ngữ gây sự hiểu kỳ, giật gân, câu khách, nếu tính riêng từng nhóm ngôn ngữ; và thực sự là thiếu số nếu so với số bài báo sử dụng các nhóm ngôn ngữ không tích cực nói chung.



1 TH1. Thế giới ngầm “gay chat”. Thanh Niên. Ngày 29/1/2004

2 TH35. “Tiếng hát Cát Tuyền – Vì sao bị kỳ thị? Tiên Phong. Ngày 19/6/2006

Tít bài là nơi thể hiện rất rõ cách sử dụng ngôn ngữ và đằng sau đó là quan điểm của người viết. Cho đến năm 2008 vẫn còn những giật tít giật gân, hiếu kỳ như “Dân gay và kỹ nghệ săn tình”; “Nữ sinh tuổi teen chơi trò đồng tính”; “Madona lại hôn người đồng giới trên sân khấu”; “Giết người vì bị kẻ đồng giới sờ mó”; “Bị đâm chết vì yêu đồng tính”... Việc báo chí lạm dụng ngôn ngữ giật gân nhằm thu hút công chúng chính là yếu tố làm phương hại đến hình ảnh của nhóm đồng tính, gây ra cách hiểu không đúng và nặng hơn là định kiến xã hội đối với nhóm này.

Bên trong bài viết, không ít tác giả sử dụng ngôn ngữ chỉ sự thấp hèn, hàm chứa sự coi thường và chế nhạo người đồng tính. Có bài mô tả người chuyển giới với những ngôn từ mùi mẫn, những chi tiết gây cười, ngôn ngữ ví von, thậm chí kể chuyện tác giả chui vào phòng thay đồ chỉ để xem các nàng còn “dính tí hooc-môn nam” nào không<sup>1</sup>. Hàm ý coi thường có khi được thể hiện chỉ qua việc sử dụng dấu ngoặc kép khi dùng từ “người đẹp”, “cô gái”, “người đẹp có trái khế Adam ở cổ” để chỉ những người nam chuyển giới thành nữ. Nhóm ngôn ngữ đấu tranh đạo đức, chống tệ nạn xã hội và ngôn ngữ về nỗi sợ được sử dụng khá nhiều trong những bài viết liên quan đến tội phạm, ma túy, mại dâm. Ngôn ngữ y tế bệnh tật cũng được sử dụng khá phổ biến, nhất là trong những bài tìm hiểu nguyên nhân của đồng tính, bởi nhiều tác giả dường như vẫn cho rằng đồng tính là bệnh. Cách sử dụng ngôn ngữ như vậy có thể truyền tới người đọc cảm giác không tôn trọng đối tượng, dễ làm người đọc có những tưởng tượng không chính xác và cảm giác sợ hãi đối với người đồng tính.

Một số nhà báo sử dụng ngôn ngữ nhân đạo khi viết về người đồng tính do tiếp cận vấn đề theo quan điểm nhân đạo hoặc có sự nhạy cảm nhất định đối với sự kỳ thị liên quan đến người đồng tính. Tuy nhiên, xuất phát từ ý định tốt nhưng không ít bài viết vẫn thể hiện thái độ thương cảm, thông cảm của người có vị thế cao hơn, không thuộc nhóm đồng tính: “Chỉ khi nào bạn ở trong nỗi khổ của họ, bạn mới cảm nhận được nỗi đau đó như thế nào. Đừng nhìn họ bằng con mắt xa lánh, hãy chia sẻ và giúp họ vượt qua căn bệnh đó”<sup>2</sup>, hoặc “...không nên áp đặt cho người đồng tính luyện ái là xấu xa, cần bã mà cần có những

1 TH31. Đêm không ngủ với những “nàng pê- đê”. Tiên phong. Ngày 12/6/20

2 TH331. Đồng tính: đâu phải tội lỗi!?... <http://old.netmode.com.vn/> tải ngày 24/7/2008

đôi mắt rộng lượng hơn, để họ có thể hoà nhập với cộng đồng làm điều có ích cho gia đình và xã hội". Những bài viết theo cách này thông thường giải thích người đồng tính đau khổ vì họ sinh ra không được như mong muốn là đàn ông hoặc đàn bà, nên họ dồn vật về thân phận của mình, và vô hình trung truyền đến công chúng những thông điệp hàm ý thương hại người đồng tính.

Tuy việc sử dụng ngôn ngữ gọi tên có tính kỳ thị và ngôn ngữ mô tả thiếu tích cực có xu hướng giảm theo thời gian, nhưng phân tích cho thấy tỷ lệ các bài viết sử dụng các loại ngôn ngữ này vẫn còn lớn. Nắm sức mạnh truyền thông đại chúng trong tay, nhiều nhà truyền thông, vô tình hay hữu ý, đã cho mình quyền gán những cái nhãn không đẹp lên người đồng tính và những gì liên quan đến họ, từ sự sợ hãi, giạt gân đến thấp hèn, bệnh tật. Từ đây sự phán xét và phân biệt đối xử của xã hội đối với nhóm thiểu số này có thể được tạo ra và củng cố.

#### 4.2. Cố gắng giải thích nguyên nhân đồng tính

Phân tích các bài viết chuyên sâu về đồng tính, nghiên cứu cho thấy các tác giả có xu hướng đi tìm nguyên nhân đồng tính. Trong số 502 bài báo được thu thập để nghiên cứu có 109 bài (chiếm 22%) có sự phân tích trên các khía cạnh khác nhau, từ y – sinh học đến lối sống, môi trường sống để cố gắng tìm một câu trả lời cho việc tại sao người ta đồng tính.

20% trong số các bài viết này cho rằng đồng tính là một hiện tượng bẩm sinh, không phải sự lựa chọn và không thể thay đổi được. Đây là cách lý giải tương đối chính xác, gần nhất với kiến thức khoa học về xu hướng tính dục đồng tính luyến ái. Thông thường những bài viết như vậy ít thể hiện thái độ phê phán, kỳ thị đối với nhóm đồng tính hơn

Trong các nhà khoa học hiện không có sự thống nhất ý kiến về nguyên nhân cụ thể khiến một người là dị tính luyến ái, ĐTLA hay LTLA. Đã có nhiều nghiên cứu xem xét các yếu tố di truyền, hoóc-môn, phát triển con người, xã hội, văn hóa - những yếu tố có thể có ảnh hưởng đến xu hướng tính dục, nhưng chưa có những kết quả cho phép kết luận rằng xu hướng tính dục là do một hoặc một số nhân tố nào quyết định. Nhiều nhà khoa học cho rằng: cả sinh học và xã hội đều đóng vai trò phức tạp trong vấn đề này; và đa số người ta không có khả năng tự lựa chọn xu hướng tính dục của mình.

là những bài viết tìm về các nguyên nhân khác, và truyền đến người đọc những thông điệp tích cực hơn về người đồng tính.

Còn lại, đa phần các bài viết có đề cập đến nguyên nhân đồng tính coi đây là một bệnh, một hội chứng có thể lây lan, có thể bị nhiễm do lối sống và môi trường sống. Mặc dù đồng tính luyện ái đã được Hoa Kỳ loại khỏi danh sách bệnh tâm thần từ năm 1973, và được Tổ chức Y tế Thế giới WHO chính thức loại khỏi danh sách bệnh vào năm 1990, nhưng vẫn có tác giả khẳng định chắc chắn rằng “khoa học xem đồng tính là bệnh tâm lý”, “đồng tính chẳng chữa một ai, đó là nhận định của các chuyên gia y học”, và rằng nó “đang lây nhiễm khá nhanh”. Một trong những lý do của việc “lây nhiễm” nhanh này lại có vẻ rất đáng sợ: “Người đồng tính luôn tìm kiếm bạn tình. Nhưng vốn đồng tính nên họ mau chán, ham mới, thế là phát sinh ra một “đội ngũ” những người đồng tính khác” và tác giả kết luận bằng lời khuyên công chúng phải có ý thức tự chống lây nhiễm<sup>1</sup>.

17% trong số các bài viết đề cập đến nguyên nhân đồng tính lại cho rằng đồng tính là do đua đòi, để thể hiện sự sành điệu mà làm “đồng tính giả”, bị “tuột không phanh” và cuối cùng thành “đồng tính thật”<sup>2</sup>. Những giải thích theo hướng này có thể tăng thêm tin tưởng sai lầm cho độc giả khi tác giả trích hoặc dẫn lời của các nhà chuyên môn, nhà khoa học, như lời giải thích của vị thạc sĩ tâm lý học dưới đây về mối liên hệ giữa việc trở thành đồng tính và gia tăng tội phạm trong giới trẻ:

*“... Nguyên nhân chính là do sự thiếu quan tâm của gia đình, nhà trường, xã hội đã tạo nên những con người trẻ tuổi không có lý tưởng sống, chỉ biết đua đòi theo những trào lưu mà không phân biệt đúng sai, không có khả năng miễn nhiễm trước cái xấu”<sup>3</sup>.*

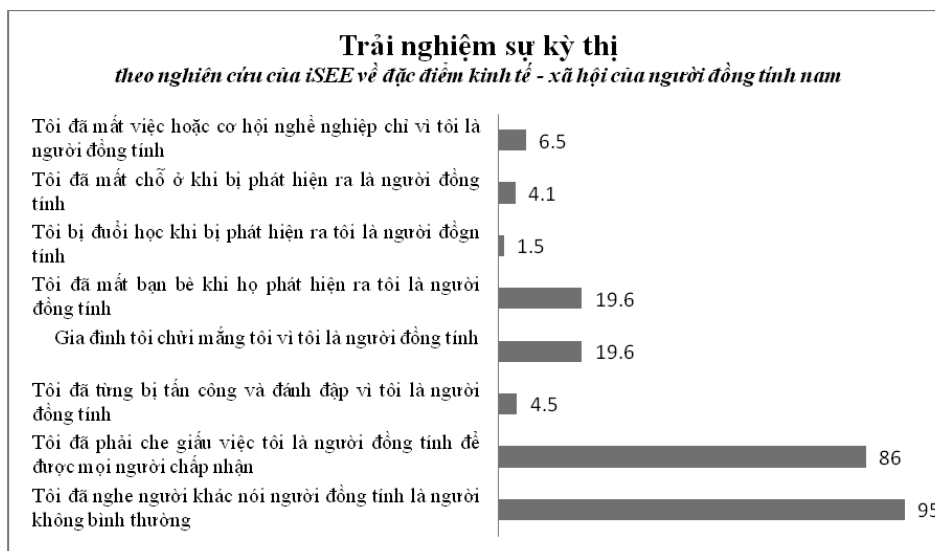
Khi những bài viết như vậy còn hiện diện trên mặt báo thì sự xa lánh, hiểu lầm và kỳ thị của một bộ phận công chúng với người đồng tính là điều khó tránh khỏi. Trong số hơn 3.200 người tham gia nghiên cứu của iSEE về đặc điểm kinh tế xã hội của người đồng tính nam, rất nhiều người cho biết đã mất việc làm, mất chỗ ở, mất bạn bè hay bị đuổi học

1 TH151. Hội chứng lây nhiễm đồng tính. <http://ngoisao.net> tải ngày 25/7/08

2 TH83. Những nàng Les giả. <http://www.vnexpress.net/> tải ngày 22/7/08

3 TH203. Tội phạm đồng tính trong giới trẻ. <http://ngoisao.net/> tải ngày 24/7/08.

khi bị phát hiện là người đồng tính; và hàng trăm người cho biết đã bị tấn công và đánh đập chỉ vì họ là người đồng tính.



Nhìn chung, các bài viết chuyên sâu về đồng tính vẫn rơi vào tình trạng đi tìm nguyên nhân của đồng tính, xem đồng tính như một vấn đề. Quá trình đi tìm và lý giải nguyên nhân chia theo 2 hướng chủ yếu: hướng y – sinh học xem đồng tính là bẩm sinh, và hướng y – xã hội xem đồng tính là do lây lan, đua đòi, vì tiền, vì bối cảnh sống, vì có “căn quả” ..v.v.. Theo hướng thứ nhất, đồng tính là bẩm sinh nên hướng công chúng thông cảm với tình cảnh của nhóm không may mắn. Theo hướng thứ hai, nhóm đồng tính được khắc họa là nhóm lệch chuẩn, bị lên án, cần hạn chế và ngăn chặn. Cả hai hướng lý giải đều không thoả đáng với người đồng tính và tạo ra những định kiến, kỳ thị với nhóm này.

#### **4.3. Khắc họa chân dung người đồng tính dựa trên khuôn mẫu giới**

Các tác phẩm truyền thông được đưa vào nghiên cứu còn cho thấy người đồng tính bị soi xét qua lăng kính của

Khuôn mẫu giới là những điều mà xã hội cho là thích hợp với phụ nữ (nữ tính) và thích hợp với nam giới (nam tính), ví dụ như phụ nữ thì điệu còn nam giới thì mạnh mẽ. Các khuôn mẫu giới này thay đổi theo thời gian và bối cảnh văn hóa, nhưng những người thể hiện các tính cách hay ứng xử của giới ngược lại thường không được cộng đồng chấp nhận.



người dị tính và là hệ quả của sự nhầm lẫn khái niệm người đồng tính và người chuyển giới. Khi các tác giả mô tả nhân vật đồng tính nam hoặc đồng tính nữ, thì hình ảnh hiện lên thực ra là hình ảnh của người chuyển giới, và thường là sự bất chước khuôn mẫu của hai giới nam và nữ theo chuẩn mực của nhóm dị tính. Người đồng tính nam thường được mô tả sao cho giống với nữ giới, nữ tính, và ngược lại người đồng tính nữ được khắc hoạ sao cho giống với nam giới, nam tính. Những đặc điểm các tác giả thường khai thác bao gồm tính cách, giọng nói, dáng đi, cách xưng hô, trang phục và sử dụng mỹ phẩm.

Theo đó, người đồng tính nam thường được mô tả là thiên về tính cách nhẹ nhàng, duyên dáng, đôi khi đỏng đảnh, chua ngoa, thích làm điệu, lẳng lơ, mau nước mắt, không cương quyết, ít bạo lực và thích được người khác che chở... Có thể lấy vài ví dụ như "...luôn cố làm duyên mỗi lúc nở nụ cười. P. mỉm cười rồi ngúng nguẩy lắc đầu..."<sup>1</sup> hay "Đỏng đảnh nửa đàn ông nửa đàn bà ... Một nửa người đàn bà trong họ lợi khẩu đến mức chua ngoa, thích làm điệu, lẳng lơ. Hay đôi hờn, mau nước mắt, thất thường, đỏng bóng..."<sup>2</sup> Ngược lại người đồng tính nữ thường hiện lên với tính cách mạnh bạo, ưa làm việc lớn. "...D. còn thích uống rượu. Từu quán trước nay vẫn là chốn ra vào của cánh đàn ông, nhưng một vài quán bar, quán rượu dân tộc giữa đất Hà thành D. nhẵn mặt...D. chỉ lo những việc lớn, như mỗi lần cần thay đổi nhà trọ thì "anh" phải có trách nhiệm

*Một số người có đặc điểm giới tính sinh học của nam nhưng cảm nhận mình là nữ, họ ăn mặc, ứng xử như phụ nữ và muốn mọi người đối xử với họ như phụ nữ. Ngược lại, một số người có cơ thể nữ cảm nhận mình là nam và muốn được đối xử như nam giới. Những người này được gọi chung là **người chuyển giới**.*

*Do cảm thấy mình là nữ, người nam chuyển giới thường có xu hướng yêu nam giới dị tính; tương tự, người nữ chuyển giới cảm thấy mình là nam và có xu hướng yêu phụ nữ dị tính. Chính vì vậy họ không tự nhận mình là người đồng tính.*

**"Bản dạng giới"** dịch từ "gender identity" nói đến ý thức của mỗi người tự xác định mình là phụ nữ hoặc nam giới hoặc giới khác, không nhất thiết trùng với giới tính sinh học của người đó.

1 TH178. Vào thế giới đồng tính. <http://ngoisao.net> tải ngày 25/7/08

2 TH456. Thân phận bị giới đày. <http://old.netmode.com.vn/> tải ngày 24/7/2008

*đi tìm, cái bóng đèn cháy “anh” mua bóng mới về thay... “Anh” ta thuộc dạng ăn khỏe và làm việc gì cũng hùng hục...<sup>1</sup>*

Giọng nói của những người đồng tính được chú ý nhiều và cũng được quy về khuôn mẫu giới. Có tác giả mô tả “...nếu có “lộ” thì chính là ở giọng nói. P giọng kim, nói năng nhẹ nhàng như con gái...<sup>2</sup>. Có tác giả còn tính toán được tỷ lệ giọng nói đàn ông pha lẫn đàn bà nhằm thu hút sự tò mò của độc giả: “Nếu không chú ý đến bờ vai hơi rộng, những dấu vết cơ bắp phía sau và những nốt mụn đỏ trên lưng, người ta sẽ nghĩ cô là nữ ca sĩ thật! Da mặt sam sam, giọng nói miền nam theo tỷ lệ tứ lục (nam 4/10, nữ 6/10)<sup>3</sup>.”

Dáng đi cũng thường được mô tả theo khuôn mẫu chung là đồng tính nam thì có dáng đi nhẹ nhàng, uyển chuyển, uốn éo, thậm chí “mông đánh phải đánh trái cực chuẩn”<sup>4</sup>, còn đồng tính nữ thì ấn tượng đọng lại là dáng đi mạnh bạo, cố làm ra vẻ cứng như nam giới.

Trang phục của người đồng tính không được đề cập nhiều, chỉ có 41 bài trong tổng số 502 bài, nhưng đậm nét định kiến giới và thể hiện rõ sự nhầm lẫn giữa người đồng tính và người chuyển giới. 29 trong 41 bài này mô tả đồng tính nam ăn mặc giống phụ nữ và đồng tính nữ ăn mặc như đàn ông. Về sử dụng mỹ phẩm, đồng tính nam cũng được khắc họa như nữ giới, đó là thích trang điểm, tỉ mỉ đến từng chi tiết, sử dụng nhiều mỹ phẩm, còn đồng tính nữ thì giống nam giới, không thích mỹ phẩm, trang điểm và quá nhiều phụ kiện. Riêng về cách xưng hô thì có phần phong phú hơn, có thể là từ xưng hô theo giới tính được nhận diện, là anh/em hoặc chị/em, có thể gọi tên, xưng tên, và nhiều từ dùng để xưng hô khác nữa, nhưng nếu không theo giới tính được nhận diện thì thường để trong ngoặc kép với nhiều ẩn ý.

Việc khắc họa chân dung người đồng tính theo khuôn mẫu giới có thể có nguyên nhân nằm trong chính nhu cầu của báo chí. Bởi khuôn mẫu chính là những gì tạo nên thế giới quan của con người một cách vô thức, nên mỗi câu chuyện đều cần một hoặc một số khuôn mẫu nhất định để có thể trở nên có nghĩa với độc giả. Như vậy, cách nhanh chóng nhất để

1 TH159. Những “bóng cô” thâm kín. <http://ngoisao.net/> tải ngày 25/7/08

2 TH178. Vào thế giới đồng tính. <http://ngoisao.net/News> tải ngày 25/7/08

3 TH31. Đêm không ngủ với những nàng pêđê. Tiền Phong. 12/6/2006

4 TH32. Đêm không ngủ với những “nàng pêđê”. Tiền Phong. 12/6/2006

nhà truyền thông kể một câu chuyện dễ hiểu sẽ là sử dụng những khuôn mẫu sẵn có.

Điều đáng nói là trong trường hợp này khuôn mẫu giới được áp dụng rập khuôn dựa trên sự lẫn lộn khái niệm đồng tính – chuyển giới, cho công chúng thấy một hình ảnh sai lầm và phiến diện của chỉ một số cá thể trong nhóm không phải là dị tính. Điều này làm mất đi sự phong phú đa dạng về tâm lý – xã hội của người đồng tính, do vậy tạo ra và làm nặng thêm định kiến của công chúng với nhóm xã hội này.

### **5. Mức độ kỳ thị trong các bài viết khá cao**

Không dừng lại ở định kiến, một số bài viết trong phạm vi nghiên cứu còn thể hiện thái độ kỳ thị người đồng tính của tác giả. Nghiên cứu này xác định “kỳ thị” là việc nhóm đồng tính bị hạ thấp giá trị so với nhóm dị tính trên cơ sở những khác biệt so với chuẩn mực của nhóm dị tính chiếm đa số trong xã hội.

Hiện tượng kỳ thị trong các bài viết được xem xét trên nhiều khía cạnh, kết quả là số bài thể hiện sự kỳ thị chiếm tới 41% tổng số các bài báo được đưa vào nghiên cứu. Chỉ có 18% số bài viết thể hiện thái độ tích cực, không kỳ thị với người đồng tính, không hạ thấp giá trị của người đồng tính dựa trên xu hướng tình dục của họ. Với tỷ lệ kỳ thị trên báo chí cao như vậy, không ngạc nhiên là cũng xấp xỉ 41% số người tham gia nghiên cứu của Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường cho biết họ phải che giấu xu hướng tình dục của mình vì sợ xã hội kỳ thị.

Tuy vậy, xét theo thời gian thì tỷ lệ bài viết thể hiện thái độ kỳ thị có xu hướng giảm dần từ 57% năm 2004 xuống 29% năm 2008, tỷ lệ bài viết không rõ thái độ tăng từ 30% năm 2004 lên 48% năm 2008, và tỷ lệ

*Kỳ thị” là một hiện tượng xã hội phức tạp, có thể được coi là một quá trình phân biệt đối xử chống lại và bài trừ những người được xem là có những thuộc tính không mong đợi. Trong khi định kiến có thể là một quá trình vô thức, sự kỳ thị được bộc lộ ra ngoài thường mang biểu hiện hành vi và dẫn tới kết quả là những thiệt hại cho người bị kỳ thị.*

(Theo Link và Phelan)

*Kỳ thị được sử dụng để chuyển sự khác biệt thành sự bất công, cho phép một vài nhóm hạ thấp giá trị của các nhóm khác.*

(Theo Parker và Aggleton, 2003)

bài viết thể hiện sự ủng hộ tăng từ 13% lên 23% trong cùng kỳ. Trong bối cảnh các bài viết do nhà báo hoặc cá nhân tự viết tăng lên theo thời gian, những con số này cho thấy đã có sự thay đổi trong thái độ của các nhà truyền thông đối với người đồng tính theo hướng giảm kỳ thị. Xu hướng này cần được đẩy mạnh để thực sự tạo ra những thông điệp truyền thông công bằng, không định kiến kỳ thị.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

Nhìn chung, phân tích nội dung các bài viết liên quan đến đồng tính trên một số báo mạng và báo in các năm 2004, 2006 và 2008 cho thấy một tỷ lệ lớn các nhà truyền thông đã sử dụng ngôn ngữ làm tăng định kiến, nhấn mạnh khuôn mẫu giới và đánh đồng các khái niệm để khắc họa chân dung người đồng tính, từ đó vẽ lên hình ảnh nhóm người đồng tính là những người có bản năng tình dục mạnh khác thường, hành vi tình dục không được chấp nhận, đời sống tình dục ẩn chứa nhiều hiểm họa, không có khả năng duy trì quan hệ đôi lứa lâu dài, tư cách đạo đức không tốt, và không có những biểu hiện rõ ràng về nhu cầu ngoài nhu cầu tình dục hay về quan hệ gia đình, xã hội ngoài quan hệ với bạn tình. Cách khắc họa chân dung người đồng tính như vậy hoàn toàn không phù hợp với hiểu biết chính thống và các nghiên cứu khoa học về người đồng tính.

Phát hiện này đã trả lời khẳng định cho câu hỏi đặt ra ban đầu là liệu các thông điệp truyền thông có mang định kiến, và nặng hơn là có thái độ kỳ thị đối với người đồng tính hay không. Việc phân tích các bài viết theo thời gian cho thấy tỷ lệ định kiến, kỳ thị mặc dù có xu hướng giảm, song vẫn còn đứng ở mức cao, và hoàn toàn có thể là một yếu tố gây nên hoặc làm trầm trọng thêm sự xa lánh và phân biệt đối xử của xã hội với người đồng tính.

Như vậy, phát hiện của nghiên cứu đặt ra yêu cầu thay đổi cách thức đưa tin để các thông điệp truyền thông bớt gây định kiến, và hơn thế nữa có thể tạo nên những chuyển biến tích cực trong cách nhìn của xã hội về người đồng tính. Nhóm nghiên cứu xin đưa ra các khuyến nghị đối với các nhà truyền thông như sau:

## **1. Bồi đắp kiến thức về xu hướng tình dục**

Khi viết bài về đề tài đồng tính, các nhà truyền thông nên tìm hiểu và sử dụng các khái niệm liên quan đến xu hướng tình dục đồng tính một cách có hệ thống, tránh nhầm lẫn và đánh đồng khái niệm bởi điều này khiến công chúng hiểu sai về cộng đồng người đồng tính, và thể hiện sự thiếu tôn trọng những người có xu hướng tình dục thiểu số. Đồng thời, các nhà truyền thông nên tránh tìm kiếm và quy kết nguyên nhân của xu hướng tình dục đồng tính, đặc biệt không nên coi xu hướng tình dục đồng tính là bệnh, mà ngược lại, nên quan tâm đến việc phổ biến kiến thức về tình dục an toàn.

## **2. Cảnh trọng trong sử dụng ngôn ngữ**

Nhà truyền thông nên tránh sử dụng ngôn ngữ gọi tên với hàm ý hạ thấp, coi thường, tránh gán nhãn người đồng tính với những ngôn ngữ mô tả giết gân – câu khách, đấu tranh đạo đức - tệ nạn xã hội, ngôn ngữ về nỗi sợ..., tức là các nhóm ngôn ngữ thiếu tích cực. Thay vào đó, nên thận trọng sử dụng ngôn ngữ có ý nghĩa trung hòa và tích cực để mô tả những người đồng tính một cách khách quan, bình đẳng và tôn trọng.

## **3. Tiếp cận vấn đề với ý thức tôn trọng sự đa dạng và khác biệt**

Các nhà truyền thông nên có ý thức tôn trọng sự đa dạng của các cá nhân trong xã hội, trên cơ sở đó tôn trọng quyền của người đồng tính thiểu số giống như quyền của người dị tính chiếm đa số. Cụ thể, nhà truyền thông nên tránh dùng chuẩn mực của nhóm dị tính để so sánh và hạ thấp giá trị của nhóm đồng tính, đồng thời cố gắng tự loại bỏ các định kiến và khuôn mẫu để có thể mô tả chân thực sự đa dạng về tâm lý xã hội của nhóm người đồng tính. Nhà truyền thông cũng nên khai thác nhiều hơn các khía cạnh còn bị lãng quên như sự đóng góp của người đồng tính cho sự phát triển chung của xã hội, những nhu cầu cần được đáp ứng và quyền mà họ cần được hưởng một cách chính đáng.

## **4. Đề cao sức mạng biện hộ dựa trên cái nhìn thấu hiểu**

Nhà truyền thông cần đặc biệt ý thức về vai trò và sức mạnh tiếng nói của mình trong việc tạo ra và củng cố ý thức xã hội, cụ thể là tạo ra và củng cố định kiến về người đồng tính hay ngược lại là giảm thiểu, loại

bỏ các định kiến này. Từ đó, nhà truyền thông nên có cái nhìn thấu hiểu đối với các vấn đề có liên quan đến người đồng tính, tránh phán xét và quy kết. Thấu hiểu ở đây không có nghĩa là thông cảm hay thương xót, mà là đặt mình vào hoàn cảnh xã hội và văn hóa của người đồng tính, để có được cái nhìn của người trong cuộc về những ràng buộc cũng như những giới hạn mà họ phải đấu tranh để vượt qua. Khi nhà truyền thông ý thức đầy đủ về sứ mạng của mình và có được cái nhìn thấu hiểu, các thông điệp mà họ tạo ra sẽ có thể phản ánh chân thực đời sống của người đồng tính, xóa bỏ định kiến và hướng đến một xã hội tự do, bình đẳng, nơi các nhóm thiểu số được đối xử công bằng.

*Mọi phản hồi hay chia sẻ xung quanh nghiên cứu này xin gửi về văn phòng  
Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE)*

*Địa chỉ: Phòng 1004 Tòa nhà Artex, số 172 Ngọc Khánh, Hà Nội.*

*Email: [isee@isee.org.vn](mailto:isee@isee.org.vn)*

*ĐT: 04-62737933*

*Fax: 04-62737936*